

Số: **61** /2016/TT-BTC

Hà Nội, ngày 11 tháng 4 năm 2016

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn thu, nộp và quản lý khoản lợi nhuận, cổ tức được chia
cho phần vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp**

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp số 69/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03 tháng 06 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19 tháng 06 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 07 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế; Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế;

Căn cứ Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định chi tiết, hướng dẫn thu, nộp và quản lý khoản lợi nhuận, cổ tức được chia cho phần vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp như sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định chi tiết việc thu, nộp lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ đối với công ty mẹ của các Tập đoàn kinh tế nhà nước, công ty mẹ của các Tổng công ty nhà nước, công ty mẹ trong nhóm công ty mẹ - công ty con, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên độc lập do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; thu, nộp cổ tức và lợi nhuận được chia cho phần vốn nhà nước tại các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do bộ, ngành, địa phương đại diện chủ sở hữu.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, bao gồm:
 - a) Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là công ty mẹ của các tập đoàn kinh tế nhà nước;
 - b) Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là công ty mẹ của tổng công ty nhà nước (gồm cả Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước - gọi tắt là SCIC);
 - c) Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là công ty mẹ trong nhóm công ty mẹ - công ty con;
 - d) Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên độc lập.
2. Công ty cổ phần có vốn góp của Nhà nước do bộ, ngành, địa phương đại diện chủ sở hữu.
3. Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do bộ, ngành, địa phương đại diện chủ sở hữu.
4. Cơ quan đại diện chủ sở hữu.
5. Người đại diện phần vốn nhà nước đầu tư tại các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.
6. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động đầu tư, quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp nhà nước.

Chương II

THU VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI LỢI NHUẬN SAU THUẾ CÒN LẠI SAU KHI TRÍCH LẬP CÁC QUỸ CỦA DOANH NGHIỆP DO NHÀ NƯỚC NẮM GIỮ 100% VỐN ĐIỀU LỆ

Điều 3. Đối tượng nộp vào ngân sách nhà nước phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ

Doanh nghiệp thực hiện nộp ngân sách nhà nước phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ tại Chương này là các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ quy định tại Khoản 1 Điều 2 Chương I Thông tư này (bao gồm cả các doanh nghiệp do tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội thành lập và quản lý; các doanh nghiệp quốc phòng, an ninh quy định tại Nghị định số 93/2015 ngày 15/10/2015 của Chính phủ về tổ chức, quản lý và hoạt động của doanh nghiệp quốc phòng, an ninh).

Đối với các doanh nghiệp xố số, việc phân phối lợi nhuận và nộp lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ thực hiện theo hướng dẫn riêng của Bộ Tài chính.

Điều 4. Xác định lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ nộp ngân sách nhà nước

1. Lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ nộp ngân sách nhà nước của doanh nghiệp quy định tại Khoản 1 Điều 2 Chương I Thông tư này là lợi nhuận được xác định theo quy định của pháp luật về kế toán (đã được trừ đi các khoản chi không được trừ khi xác định thuế thu nhập doanh nghiệp nhưng phù hợp với quy định của pháp luật về kế toán) sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, trích Quỹ phát triển khoa học và công nghệ, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật, trừ đi các khoản phân phối, trích lập các quỹ theo quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp; Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

Đối với các trường hợp Chính phủ có quy định riêng về phân phối, trích lập các quỹ thì thực hiện trích lập các quỹ theo quy định riêng của Chính phủ, lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi phân phối, trích lập các quỹ phải nộp vào ngân sách nhà nước.

2. Đối với lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của các công ty con do công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ:

Căn cứ quy chế tài chính của các công ty con do công ty mẹ ban hành, hàng năm công ty mẹ có trách nhiệm phê duyệt báo cáo tài chính và quyết định việc phân phối, sử dụng lợi nhuận sau thuế tại các công ty con để tiến hành thu lợi nhuận sau thuế của các công ty con.

Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ (công ty mẹ thuộc đối tượng quy định tại Điều 3 Thông tư này) thực hiện nộp lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ về công ty mẹ, công ty mẹ hạch toán doanh thu tài chính theo cùng niên độ tài chính để xác định lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ phải nộp ngân sách nhà nước theo quy định.

Ví dụ 1: Tập đoàn A là công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ đối với Công ty B. Lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ theo quyết toán năm 2016 của Công ty B phải nộp về Tập đoàn A là 1.000 tỷ đồng. Tập đoàn A hạch toán phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ năm 2016 của Công ty B phải nộp về Tập đoàn là 1.000 tỷ đồng vào doanh thu tài chính năm 2016 để xác định lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ phải nộp ngân sách nhà nước năm 2016 của Tập đoàn A.

Trường hợp sau khi đã phê duyệt báo cáo tài chính, quyết định phân phối lợi nhuận sau thuế và thu lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ của các công ty con mà vốn chủ sở hữu tại công ty con lớn hơn mức vốn điều lệ đã được công ty mẹ phê duyệt thì công ty mẹ thực hiện thu khoản chênh lệch giữa vốn chủ sở hữu và vốn điều lệ của công ty con về công ty mẹ và hạch toán là khoản doanh thu tài chính của công ty mẹ, xác định lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của công ty mẹ phải nộp ngân sách nhà nước.

3. Đối với cổ tức, lợi nhuận được chia của các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của công ty mẹ:

Công ty mẹ hạch toán các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia từ các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên có vốn góp của công ty mẹ vào doanh thu tài chính, xác định lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ phải nộp theo quy định. Thời điểm hạch toán cổ tức, lợi nhuận được chia vào doanh thu tài chính của công ty mẹ là thời điểm nhận được thông báo chia cổ tức, lợi nhuận của Hội đồng quản trị (đối với cổ tức được chia tại công ty cổ phần) hoặc Nghị quyết của Hội đồng thành viên đã được các thành viên thông qua có hiệu lực thi hành (đối với lợi nhuận được chia tại công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên).

Ví dụ 2: Công ty C là công ty mẹ nắm giữ 60% vốn điều lệ tại Công ty cổ phần D. Ngày 15/4/2016 Công ty cổ phần D tổ chức đại hội cổ đông và ban hành Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, trong đó có quyết định chia cổ tức từ hoạt động kinh doanh năm 2015 của Công ty cổ phần D, thời điểm nhận tiền là ngày 01/7/2016. Ngày 20/6/2016 Hội đồng quản trị Công ty cổ phần D có thông báo chia cổ tức gửi cho các cổ đông. Công ty C hạch toán doanh thu tài chính đối với số cổ tức được chia theo thời điểm thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị công ty D (tháng 6/2016) để xác định lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ phải nộp của Công ty C năm 2016.

Công ty mẹ có vốn góp tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có trách nhiệm biểu quyết chi trả cổ tức khi có đủ các điều kiện theo quy định của Luật doanh nghiệp đồng thời đề nghị, đơn đốc công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên nộp phần cổ tức, lợi nhuận được chia cho phần vốn góp của công ty mẹ về công ty mẹ.

Trường hợp công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của công ty mẹ vi phạm thời hạn chia cổ tức, lợi nhuận theo quy

định của Luật doanh nghiệp thì công ty mẹ có trách nhiệm báo cáo Bộ Tài chính và cơ quan chủ quản của công ty mẹ để xử lý theo quy định của pháp luật.

Trường hợp công ty mẹ nhận được cổ phiếu của công ty cổ phần có vốn góp của công ty mẹ mà không phải thanh toán do công ty cổ phần sử dụng thặng dư vốn cổ phần, các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu hoặc chia cổ tức bằng cổ phiếu để tăng vốn điều lệ, doanh nghiệp căn cứ vào số lượng cổ phiếu nhận được thực hiện mở sổ kế toán theo dõi, ghi chép và phản ánh trên báo cáo tài chính theo quy định của chế độ kế toán hiện hành đối với các doanh nghiệp.

Điều 5. Khai, nộp ngân sách nhà nước đối với lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ

1. Khai, nộp lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ:

a) Hàng quý, căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh quý doanh nghiệp thực hiện tạm nộp số lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ phải nộp ngân sách nhà nước của quý chậm nhất vào ngày thứ 30 (ba mươi) của quý liền sau quý phát sinh nghĩa vụ nộp lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ.

b) Kết thúc năm tài chính căn cứ số liệu trên báo cáo tài chính, doanh nghiệp thực hiện khai quyết toán lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ phải nộp ngân sách nhà nước theo Tờ khai mẫu số 01/QT-LNCL ban hành kèm theo Thông tư này và nộp số lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ còn phải nộp (nếu có) chậm nhất vào ngày thứ 90 (chín mươi), kể từ ngày kết thúc năm dương lịch hoặc năm tài chính.

Trường hợp tại thời điểm khai quyết toán lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ doanh nghiệp chưa có quyết định công bố kết quả xếp loại doanh nghiệp của chủ sở hữu thì việc xếp loại doanh nghiệp căn cứ vào báo cáo xếp loại doanh nghiệp của doanh nghiệp gửi cho chủ sở hữu. Trường hợp chưa có báo cáo xếp loại của doanh nghiệp gửi cho chủ sở hữu thì doanh nghiệp tạm đánh giá xếp loại doanh nghiệp để làm căn cứ trích lập các quỹ và xác định lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ phải nộp ngân sách nhà nước.

Sau khi có quyết định công bố kết quả xếp loại doanh nghiệp của chủ sở hữu nếu có sự thay đổi về xếp loại doanh nghiệp, doanh nghiệp xác định lại khoản trích lập các quỹ và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ phải nộp ngân sách nhà nước để kê khai điều chỉnh quyết toán khoản lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ và nộp số phải nộp tăng thêm (nếu có) vào ngân sách nhà nước theo quy định.

Trường hợp khi quyết toán năm hoặc khi có quyết định công bố xếp loại doanh nghiệp của chủ sở hữu, nếu phát sinh số lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ đã nộp vào ngân sách nhà nước lớn hơn số thực tế phải nộp thì doanh nghiệp được giảm trừ vào số phải nộp của kỳ tiếp theo.

c) Trường hợp doanh nghiệp thực hiện chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, cổ phần hóa, chấm dứt hoạt động theo loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn một